TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **62**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26-02-2020
V/v Ly hôn giữa bà T và ông S

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
2. Bà Huỳnh Thị Lệ Quyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 *tham gia phiên toà:*
Bà Hồ Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020 tại Tòa án nhân dân Quận 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 763/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu T** – sinh năm 1983 (vắng mặt)
Thường trú: đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **Dương Tấn S** – sinh năm 1983 (vắng mặt)
Thường trú: đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/11/2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Dương Tấn S tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 68, quyển số 01 của Ủy ban nhân dân Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 13/07/2010. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, không hòa hợp tính tình, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Do đó bà T xin được ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Dương Ngọc Yến V (nữ) sinh ngày 14/10/2007. Bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con vì bà có đủ khả năng.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự: Không có, nên không yêu

cầu tòa giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2020 bị đơn là ông Dương Tấn S trình bày: Ông S đồng ý ly hôn với bà T. Về con chung: đồng ý giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu T và bị đơn là ông Dương Tấn S đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, thời hiệu, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc: "Ly hôn", do bị đơn là ông Dương Tấn S thường trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng của Tòa án:

Xét nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu T và bị đơn là ông Dương Tấn S đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về yêu cầu đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 68, quyển số 01 của Ủy ban nhân dân Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 13/07/2010. Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thu T và ông Dương Tấn S là tự nguyện, tiến bộ và hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà T thì quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, không hòa hợp tính tình, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Do đó bà T xin được ly hôn với ông S.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2020, ông S xin không tiến hành hòa giải vụ án, xin vắng mặt vì hiện nay ông đang chấp hành hình phạt tù ở tại Trại

giam Huy Khiêm. Đồng thời, ông S đồng ý ly hôn với bà T.

Xét thấy, theo lời trình bày của cả hai thì mâu thuẫn giữa bà T và ông S là có thật nên cả hai đều không còn thiết tha vun đắp cho hạnh phúc chung, đều xin ly hôn dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình mà chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3.2] Về con chung: Căn cứ vào giấy khai sinh số 225 ngày 29/10/2007 của Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định trẻ Dương Ngọc Yến V (nữ), sinh ngày 14/10/2007 là con chung của bà Nguyễn Thị Thu T và ông Dương Tấn S.

Xét thấy, ông S đồng ý giao hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Tham khảo ý kiến của trẻ Vy tại Tờ trình bày nguyện vọng ngày 05/02/2020 trẻ khai muốn được sống với mẹ nên việc giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về vật chất và tinh thần cho trẻ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con vì bà có đủ khả năng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Dương Tấn S khai không có nên không yêu cầu tòa giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Xét xử vắng mặt nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu T và bị đơn là ông Dương Tấn S.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với ông Dương Tấn S.

- Về con chung: Giao con chung tên Dương Ngọc Yến V (nữ), sinh ngày 14/10/2007 cho bà Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con vì bà có đủ khả năng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Dương Tấn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng viêc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Dương Tấn S khai không có nên không yêu cầu tòa giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)*. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai số AA/2019/0014138 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Dương Tấn S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 10;
- TAND Tp HCM;
- THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- UBND P9, Q10;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Vân